TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 11/10/2021
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Lan Hương

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung, bà Phạm Thị Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* bà Bùi Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thanh Hòa*, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2021/TLST- HNGĐ ngày 18/6/2021, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HN ngày 22/9/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Huy H, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã H, Thành phố H, tỉnh H. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã H, Thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Bùi Huy H yêu cầu Toà án giải quyết nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị Nguyễn Thị T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 27/05/2019; trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu và cùng chung sống với gia đình bố mẹ bên chồng. Sau 01 năm kết hôn, trong quá trình chung sống, giữa anh Bùi Huy H và chị Nguyễn Thị T thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng - phát sinh từ những chuyện xoay quanh cuộc sống hằng ngày và từ cả sự khác nhau về phong tục tập quán, cách nghĩ và lối sống của mỗi

người. Đỉnh điểm là vào khoảng tháng 6/2020 và dịp tết nguyên đán năm 2021. Hiện tại chị Nguyễn Thị T đã rời khỏi nhà anh H từ ngày 27/4/2021 về nhà mẹ đẻ ở huyện Y, tỉnh T sinh sống. Anh Hoàng đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết cho anh H được ly hôn với chị T để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng. Khi nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân Thành phố H, anh H đã thông báo cho chị T biết nhưng chị T nói không về và bảo anh H cứ đơn phương giải quyết.

Về con chung: chưa có con chung.

Về tài sản chung: không có tài sản chung;

Về công nợ chung: không có công nợ chung;

Nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về những nội dung này.

2. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T: Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T không đến để giải quyết. Tòa án nhân dân Thành phố H đã Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T thu thập chứng cứ đối với chị Nguyễn Thị T. Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện Y đã gửi về Tòa án nhân dân Thành phố H thể hiện nội dung chị T trình bày nội dung kết hôn, diễn biến chung sống, mâu thuẫn đúng như anh H đã trình bày.

3**. Những nội dung thống nhất, không thống nhất:**

Nội dung thống nhất: vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được do chị Thủy vắng mặt. Tuy nhiên qua bản khai chị Thủy trình bày gửi về Tòa án Thành phố Hòa Bình thì các bên đều có nguyện vọng giải quyết ly hôn. Các nội dung khác đều khai đồng nhất.

Nội dung không thống nhất: không.

4. Ý kiến của đại diện VKS tham gia phiên toà:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn và giải quyết cho anh Bùi Huy H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Các nội dung khác không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[**1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: sau khi kết hôn, chị T nhập hộ khẩu về bên nhà chồng sinh sống, có tên trong sổ hộ khẩu thường trú của gia đình anh H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng thông qua Ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Y thực hiện; việc giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn do chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa đã công bố bản khai của chị T. Như vậy là bảo đảm phù hợp các quy định tại Điều 173, 177, 178, 179, 207, 208, Khoản 3 Điều 210; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân***:** giữa anh Bùi Huy H và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 27/5/2019, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau. Đến ngày 27/4/2021 chị Thủy đã tự ý bỏ đi về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh T và không có ý định trở về. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H có nguyện vọng xin được ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với chị T, Toà đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T không đến Tòa án để giải quyết và đã có bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đồng thời có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử việc ly hôn vắng mặt chị T. Chị T đồng ý ly hôn với anh H. Ngoài ra, qua xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng chung sống cũng cho biết thêm khoảng 02 – 03 tháng nay không thấy chị T, hai người đã không ở cùng nhau nhiều tháng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên xử cho anh H được ly hôn với chị T theo Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nội dung đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: các đương sự đều khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: anh Bùi Huy H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Bùi Huy H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

*2. Về án phí***:** anh Bùi Huy H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004353 ngày 16/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn anh Bùi Huy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết - để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- VKSND Tỉnh Hòa Bình;
- THADS Tp. Hòa Bình;
- UBND xã H,
Tp. Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Lan Hương